

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 5 - 2026

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh

Bà Nguyễn Thị Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1983. HKTT: 92M, tổ G, ấp L, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: 20 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Phan Thị P, sinh năm 1983. HKTT: Ấp Đ, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại 3, Trại giam T, Cục C, Bộ C1 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Bá L trình bày:

Đầu năm 2015, ông Nguyễn Bá L và bà Phan Thị P quen biết nhau. Sau một thời gian tìm hiểu, hai bên phát sinh tình cảm và muốn gắn bó lâu dài với nhau nên đến cuối năm 2015 ông L và bà P đã đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành

phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 01/12/2015. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn thì ông L và bà P chung sống với nhau tại nhà ba mẹ ruột của ông L. Thời gian đầu hai người chung sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2018 (sau khi sinh con thứ hai) thì hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà P có người đàn ông khác. Do không giải quyết được mâu thuẫn nên đến cuối năm 2018 thì bà P bỏ đi cùng người đàn ông kia và từ đó đến nay hai người sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay nhận thấy tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị P.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng thì ông L và bà P có 02 con chung là cháu Nguyễn Bá L1, sinh ngày 12/4/2016 và cháu Nguyễn Lê Thùy L2, sinh ngày 26/2/2018. Sau khi ly hôn thì ông L mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn bà Phan Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của ông L.

Về mâu thuẫn: Bà P xác định giữa bà P với ông L có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay ông L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà P thì bà P đồng ý.

Về con chung: Bà P xác nhận bà P và ông L có 02 con chung là cháu Nguyễn Bá L1, sinh ngày 12/4/2016 và cháu Nguyễn Lê Thùy L2, sinh ngày 26/2/2018. Sau khi ly hôn bà P đồng ý giao 02 con chung cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, bà P không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau này khi bà P chấp hành án xong nếu có nhu cầu thì bà P sẽ làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con sau.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Nguyễn Bá L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Phan Thị P nên xác định đây là “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phan Thị P có hộ khẩu thường trú tại ấp Đ, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Bá L và bị đơn bà Phan Thị P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Bá L, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Bá L và bà Phan Thị P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156 ngày 01/12/2015. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông L và bà P đều xác nhận thời gian đầu hai người chung sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2018 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do không thể hàn gắn với nhau nên cả hai đã sống ly thân từ đó cho đến nay, hiện cả hai không còn tình cảm và không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay ông L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà P thì bà P hoàn toàn đồng ý, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Ông Nguyễn Bá L và bà Phan Thị P xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thì ông L và bà P có 02 con chung là cháu Nguyễn Bá L1, sinh ngày 12/4/2016 và cháu Nguyễn Lê Thùy L2, sinh ngày 26/2/2018. Sau khi ly hôn thì ông L mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, từ khi ông L và bà P sống ly thân đến nay thì cháu L1 và cháu L2 đang sống với ông L. Bà P cũng đồng ý tạm thời giao cháu L1 và cháu L2 cho ông L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó để bảo đảm cho sự phát triển ổn định của các cháu, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống cũng như học hành thì Hội đồng xét xử giao cháu L1 và cháu L2 cho ông L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông L không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Do ông Nguyễn Bá L và bà Phan Thị P không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông L phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá L về việc “Ly hôn” đối với bà Phan Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Bá L được ly hôn với bà Phan Thị P.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Bá L1, sinh ngày 12/4/2016 và cháu Nguyễn Lê Thùy L2, sinh ngày 26/2/2018 cho ông Nguyễn Bá L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành. Bà Phan Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phan Thị P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Bá L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030299 ngày 24/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí.

- Bà Phan Thị P không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/5/2026) lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND KV13-TP HCM;
- THADS TP HCM;
- Phòng THADS KV13;
- UBND xã Long Điền, TP HCM;
- (GCNKH số 156 ngày 01/12/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Ngân